

Số: 61/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 24 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự :

1. Ông Lê H, sinh năm 1967;
2. Bà Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Số 03 đường A, khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 410/9 khu D, đường Đ, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu U và ông Lê H tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1993, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/93, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1993). Căn cứ theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà U và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong giải quyết việc gia đình, công việc ... nên thường xuyên cãi vã; vợ chồng sống ly thân từ năm 2017; nay cả hai đều nhận

thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà U và ông H không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 264, quyền số 02/2000 ngày 26/9/2000 và bản sao Giấy khai sinh số 094, quyền số 1/94 ngày 16/3/1994 của Ủy ban nhân dân phường F, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai nhận của ông Lê H và bà Nguyễn Thị Thu U; ông H và bà U có 02 (hai) con chung là Lê H (Nam), sinh ngày 23/2/1994 (đã thành niên) và Lê Hà V (Nữ), sinh ngày 17/9/2000 (đã thành niên)

[3] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: bà U và ông H chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu U và ông Lê H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/93, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường E, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/1993).

1.2. Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 264, quyền số 02/2000 ngày 26/9/2000 và bản sao Giấy khai sinh số 094, quyền số 1/94 ngày 16/3/1994 của Ủy ban nhân dân phường F, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai nhận của ông Lê H và bà Nguyễn Thị Thu U, ông H và bà U có 02 (hai) con chung là Lê H (Nam), sinh ngày 23/2/1994 (đã thành niên) và Lê Hà V (Nữ), sinh ngày 17/9/2000 (đã thành niên)

1.3. Về tài sản chung: cả hai đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Thu U và ông Lê H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013546 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành

án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thu U và ông Lê H đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND phường E;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong